

Bản án số: **239/2019/HSPT**
Ngày 15/10/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Th. phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Huy Hùng.

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Long.

Ông Lê Quốc Thành.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trịnh Thị Dung

Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:

Bà Lê Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 15/10/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ L. số 182/2019/HSPT ngày 02 tháng 8 năm 2019 đối với bị cáo Cao Văn Nh. và đồng bọn, do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 33/2019/HSST ngày 28/6/2019 của Tòa án nhân dân Th. phố Sầm Sơn, tỉnh ThA. Hóa.

- Các bị cáo kháng cáo:

1. **Cao Văn Nh.** (tên gọi khác: Nh. Sâu) - sinh năm 1997, tại phường Tr.S, Th. phố Sầm Sơn; Nơi ĐKKHKT và nơi ở: khu phố S.T, phường Tr.S, Th. phố Sầm Sơn, tỉnh T.Hóa; nghề nghiệp: LĐTD; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Cao Văn S và bà Nguyễn Thị L; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: Ngày 04/12/2016 có hành vi cất giấu đồ vật nhằm mục đích gây thương tích cho người khác, ngày 19/7/2017 bị Công an thị xã Sầm Sơn ra Quyết Đ. xử phạt hành chính 2.500.000 đồng, đã chấp hành xong; Bị cáo tại ngoại, có mặt.

2. **Nguyễn Văn T.** - sinh năm 1997, tại phường Tr.S, Th. phố Sầm Sơn; Nơi ĐKKHKT và nơi ở: khu phố S.T, phường Tr.S, Th. phố Sầm Sơn, tỉnh T. Hóa; nghề nghiệp: LĐTD; trình độ văn hoá: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C và bà Cao Thị N; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo tại ngoại, có mặt.

3. **H. Văn Nh.** - sinh ngày 08/4/2001, tại phường Tr.S, Th. phố Sầm Sơn; Nơi ĐKKHKT và nơi ở: khu phố S.H, phường Tr.S, Th. phố Sầm Sơn, tỉnh T. Hóa; nghề nghiệp: LĐTD; trình độ văn hoá: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông H. Văn Th và bà Hà Thị L;

Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo tại ngoại, có mặt.

4. Lương Minh Th. (tên gọi khác: Lương Viết Th.) - sinh năm 1997, tại phường Tr.S, Th. phố Sầm Sơn; Nơi ĐKHKTT và nơi ở: khu phố S.H, phường Tr.S, Th. phố Sầm Sơn, tỉnh T. Hóa; nghề nghiệp: LĐTD; trình độ văn hoá: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lương Viết H và bà Trịnh Thị Th; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo tại ngoại, có mặt.

5. Cao Văn H. - sinh ngày 23/02/2001, tại phường Tr.S, Th. phố Sầm Sơn; Nơi ĐKHKTT và nơi ở: khu phố Sơn Th1, phường Tr.S, Th. phố Sầm Sơn, tỉnh T. Hóa; nghề nghiệp: LĐTD; trình độ văn hoá: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Cao Văn S và bà Cao Thị D; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo tại ngoại, có mặt.

6. Trần Văn Th1 - sinh năm 2000, tại phường Tr.S, Th. phố Sầm Sơn; Nơi cư trú: khu phố Sơn Th1, phường Tr.S, Th. phố Sầm Sơn, tỉnh T. Hóa; nghề nghiệp: LĐTD; trình độ văn hoá: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Th. (đã chết) và bà Nguyễn Thị T; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo tại ngoại, có mặt.

7. Văn Đình Ch. - sinh năm 1999, tại phường Tr.S, Th. phố Sầm Sơn; Nơi ĐKHKTT và nơi ở: khu phố Sơn Th1, phường Tr.S, Th. phố Sầm Sơn, tỉnh T. Hóa; nghề nghiệp: LĐTD; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Văn Đình M và bà Văn Thị Đ; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo tại ngoại, có mặt.

8. Nguyễn Nam A. (tên gọi khác: N.H) - sinh năm 1997, tại phường Tr.S, Th. phố Sầm Sơn; Nơi ĐKHKTT và nơi ở: khu phố T.L., phường Tr.S, Th. phố Sầm Sơn, tỉnh Th. Hóa; nghề nghiệp: LĐTD; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Quốc Ch và bà Nguyễn Thị Th; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo tại ngoại, có mặt.

9. Vũ Đình Đ. (tên gọi khác: Đ. M) - sinh năm 1996, tại phường Tr.S, Th. phố Sầm Sơn; Nơi ĐKHKTT và nơi ở: khu phố T.M, phường Tr.S, Th. phố Sầm Sơn, tỉnh T. Hóa; nghề nghiệp: LĐTD; trình độ văn hoá: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Đình B và bà Nguyễn Thị H; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo tại ngoại, có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Cao Văn H.:*

Bà Nguyễn Thị Ngọc Trâm. Trợ giúp viên pháp L. - Trung tâm trợ giúp pháp L. Nhà nước tỉnh Th.Hóa. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Hoàng Văn Nh.:*

Luật sư Nhâm Mạnh Hà và Lưu ThA. Hiệp. Cty Luật TNHH KP – Đoàn Luật sư Th. phố Hà Nội. Có mặt.

- *Người Bị hại không kháng cáo:* Đều vắng mặt.

1. Lê Nhữ H1. – sinh năm 1997.

2. Lê Nhữ Kh1 – sinh năm 1989.

Cùng địa chỉ: Khu phố L.S, phường Bắc Sơn, Th. phố Sầm Sơn.

- **Người làm chứng:** Đều vắng mặt.

1. H. Thị Ng. - SN 1991;

Đ/c: Khu phố B.N, phường Tr.S, TP Sầm Sơn, T. Hóa.

2. Hà Thị L. – SN 1960;

Đ/c: Khu phố S.H, phường Tr.S, TP Sầm Sơn, T. Hóa.

3. Nguyễn Thị Y. – SN 1990;

Đ/c: Khu phố T.L., phường Tr.S, TP Sầm Sơn, T. Hóa.

4. Lê Nhữ T1. – SN 1993;

Đ/c: Khu phố L.S, phường Bắc Sơn, TP Sầm Sơn, T. Hóa.

5. Cao Văn N. – SN 1962;

Đ/c: Khu phố T.L., phường Bắc Sơn, TP Sầm Sơn, T. Hóa.

6. Văn Thị B. – SN 1979;

Đ/c: Khu phố Th. Ngọc, phường Tr.S, TP Sầm Sơn, T. Hóa .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 23 giờ 00 phút ngày 26/01/2019, Cao Văn Nh., Nguyễn Nam A., Vũ Đình Đ. và Lương Viết N1 đang ngồi ăn uống trong quán của ông Cao Văn N. ở đường Lê Lợi thuộc khu phố T.L., phường Tr.S, Th. phố Sầm Sơn. Lúc này, A. Lê Nhữ H1. và A. Lê Nhữ T1. đang ngồi ăn uống cùng A. Lê Nhữ Kh1, A. Vũ Đức Xuân ở bàn bên cạnh, đã sang bàn của nhóm Cao Văn Nh. xin thuốc lá, rượu để uống nhưng không có. A. Lê Nhữ H1. và A. Lê Nhữ T1. đã nói to, yêu cầu mua rượu để uống nhưng Cao Văn Nh., Nguyễn Nam A., Vũ Đình Đ. và Lương Viết N1 không đồng ý uống rượu nên A. Lê Nhữ T1. đã ôm cổ, ghì tay vào vai Cao Văn Nh. thách thức cả nhóm. Cao Văn Nh., Nguyễn Nam A., Vũ Đình Đ. và Lương Viết N1 đứng lên trả tiền, đi về. Khi về đến trước cổng nhà H. Văn Nh. thì Cao Văn Nh., Nguyễn Nam A., Vũ Đình Đ. và Lương Viết N1 đã gặp H. Văn Nh. ở trong nhà đi ra; cùng lúc này Nguyễn Văn T., Lương Minh Th., Cao Văn H., Trần Văn Th1, Văn Đình Ch. đi qua đã đứng lại nói chuyện với nhau. Cao Văn Nh. đã kể lại sự việc bị A. Lê Nhữ H1. và A. Lê Nhữ T1. thách thức, gây sự cho cả nhóm cùng nghe rồi nói đi tìm nhóm của A. Lê Nhữ H1. để đánh. Lương Minh Th. nói: “bạn không đi một mình được, nếu đi thì tất cả mọi người cùng đi” thì tất cả đồng ý đi tìm nhóm của A. Lê Nhữ H1. để đánh. Cao Văn Nh. nói: “chờ tôi về nhà lấy đồ (ý nói là lấy hung khí)” thì tất cả nói: “trong nhà Nh. có đồ rồi”. Sau đó, Cao Văn Nh. cầm một cây kiếm, Nguyễn Văn T. cầm một cây mác tự chế, Lương Viết N1 và Nguyễn Nam A. mỗi người cầm một cây tuýp sắt

dài khoảng 78,8 cm lấy trong kho của nhà H. Văn Nh.. Lúc này, khoảng 23 giờ 30 phút, H. Văn Nh. điều khiển xe mô tô, biển kiểm soát 36N1 - 111.06 chở Lương Minh Th. và Nguyễn Nam A. ngồi sau cầm cây tuýp sắt; Trần Văn Th1 điều khiển xe mô tô, biển kiểm soát 36N1 - 085.04 chở Nguyễn Văn T. ngồi sau cầm theo cây mác; Vũ Đình Đ. điều khiển xe mô tô, biển kiểm soát 36N1 - 092.41 chở Cao Văn Nh. ngồi sau cầm theo cây kiếm; Cao Văn H. điều khiển xe mô tô (mượn của bạn, không xác Đ. được biển kiểm soát) chở Văn Đình Ch. và Lương Viết N1 ngồi sau cầm theo cây tuýp sắt, cùng nhau đi tìm nhóm A. Lê Nhữ H1. để đánh. Khi đến quán của ông Cao Văn N., nhìn thấy nhóm của A. Lê Nhữ H1. đang ngồi ăn uống. H. Văn Nh., Trần Văn Th1, Vũ Đình Đ. và Cao Văn H. đã dừng xe mô tô lại, cả nhóm chạy vào đánh nhóm của A. Lê Nhữ H1.. Cao Văn Nh. dùng kiếm chém một nhát nhưng không trúng ai, đã trúng vào bàn ăn nhưng không làm hư hỏng gì; H. Văn Nh. đứng ở ngoài đường chặn không cho nhóm của A. Lê Nhữ H1. bỏ chạy; Nguyễn Văn T. cầm cây mác bằng hai tay chém một nhát trúng vào phần cánh tay pH1. làm A. Lê Nhữ H1. bị thương tích, sau đó A. Lê Nhữ H1. bỏ chạy được. Trần Văn Th1 dùng chân đạp, dùng tay nắm A. Lê Nhữ H1; Lương Minh Th. nhặt than tổ ong ở bên đường ném nhưng không trúng; A. Lê Nhữ H1 bỏ chạy đã bị Cao Văn Nh., Nguyễn Văn T., H. Văn Nh., Lương Minh Th., Trần Văn Th1, Cao Văn H., Văn Đình Ch., Nguyễn Nam A. và Vũ Đình Đ. đuổi đánh. Khi A. Lê Nhữ H1 chạy sang quán ăn đêm đối diện bên đường của bà Văn Thị B. thì bị Cao Văn Nh. cầm kiếm chém; Văn Đình Ch. dùng tay chân đánh; Cao Văn H. cầm điều hút thuốc lao trong quán đánh làm A. Lê Nhữ H1 bị thương tích. A. Lê Nhữ H1 tiếp tục bỏ chạy được khoảng 04 đến 05 mét thì bị Lương Minh Th. và Nguyễn Văn T. kéo ra ngoài đường. Sau đó, Cao Văn Nh. dùng kiếm chém một nhát vào đầu; Nguyễn Văn T. quay đầu mác đập phần cán vào tay; Lương Minh Th. giật tuýp sắt từ Nguyễn Nam A. đánh vào chân làm A. H1 bị thương tích, còn Lương Viết N1 cầm tuýp sắt đứng quan sát, hỗ trợ cho nhóm của mình đánh nhóm A. Lê Nhữ H1., nếu nhóm A. Lê Nhữ H1. đánh trả thì sẽ tấn công. Đến khoảng 23 giờ 40 phút cùng ngày, sau khi được mọi người can ngăn và thấy A. Lê Nhữ H1., A. Lê Nhữ H1 đã bị thương tích nên Lương Viết N1 điều khiển xe mô tô chở Văn Đình Ch. và Cao Văn H.; H. Văn Nh. chở Lương Minh Th. và Nguyễn Nam A.; Trần Văn Th1 chở Nguyễn Văn T.; Vũ Đình Đ. chở Cao Văn Nh. đi về nhà ngủ.

A. Lê Nhữ H1. bị các vết thương: Vết thương 1/3 trên sau cẳng tay pH1. sâu sát xương, dài 5cm, bờ mép sắc gọn. PH1. cấp cứu, điều trị tại Bệnh viện đa khoa Th. phố Sầm Sơn đến ngày 13/02/2019 được ra viện. Kết quả giám Đ., tại bản kết luận giám Đ. pháp y về thương tích số: 66/TTPY ngày 01/02/2019 của Trung tâm pháp y tỉnh ThA. Hóa, kết luận tỷ lệ tổn thương có thể do thương tích gây nên cho A. Lê Nhữ H1. là: 14 % (Mười bốn phần trăm).

A. Lê Nhữ H1. bị các vết thương: Vết thương vùng trán trái 3 x 1cm, bờ mép sắc gọn; vết thương vùng hạ cằm 3 x 1cm, bờ mép sắc gọn; cẳng tay trái và gối pH1. có vết bầm tím. PH1. cấp cứu, điều trị tại Bệnh viện đa khoa Th. phố Sầm Sơn đến ngày 04/02/2019 được ra viện. Kết quả giám Đ., tại bản kết luận giám Đ.

pháp y về thương tích số: 63/TTPY ngày 01/02/2019 của Trung tâm pháp y tỉnh Th.A. Hóa, kết luận tỷ lệ tổn thương có thể do thương tích gây nên cho A. Lê Nhữ Kh1 là: 07 % (bảy phần trăm).

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Th. phố Sầm Sơn đã thu giữ, xử L. các vật chứng và tài sản gồm: Đối với cây tuýp sắt loại phi 27 cm, dài 78,8 cm và 01 phong bì thư được niêm phong có đóng dấu đỏ giáp lai (ở trong có 01 USB chứa đoạn video ghi lại hình ảnh của sự việc), Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Th. phố Sầm Sơn đang quản L. theo hồ sơ.

Đối với 04 chiếc xe mô tô mà các bị cáo mượn đi chơi nhưng đã sử dụng đi phạm tội nên chủ sở hữu không biết, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Th. phố Sầm Sơn không tạm giữ. Đối với 01 con dao mác, 01 cây kiếm và 01 cây tuýp sắt, sau khi thực hiện hành vi phạm tội các bị can đã vứt ở khu vực ngõ nhà H. Văn Nh. nhưng Cảnh sát điều tra Công an Th. phố Sầm Sơn đã tiến hành truy tìm không tạm giữ được.

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi sự việc xảy ra, các bị can đã tự nguyện bồi thường cho A. Lê Nhữ H1. 80.000.000 đồng và A. Lê Nhữ Kh1 70.000.000 đồng. A. Lê Nhữ H1. và A. Lê Nhữ Kh1 không yêu cầu bồi thường gì thêm

* Tại bản án hình sự sơ thẩm số 33/2019/HSST ngày 28/6/2019 của Tòa án nhân dân Th. phố Sầm Sơn đã quyết Đ.:

Căn cứ: điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm s, b khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 17; khoản 1 Điều 54 (đối với H. Văn Nh., Lương Viết Th., Cao Văn H., Trần Văn Th1, Văn Đình Ch., Nguyễn Nam A., Vũ Đình Đ., Lương Viết N1), Điều 58 BLHS (đối với tất cả các bị cáo); Điều 38 BLHS (Đối với các bị cáo trừ bị cáo Lương Viết N1); khoản 1, 2, 5 Điều 65 (đối với Lương Viết N1); điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS. Điều 91; khoản 1 Điều 101 BLHS (đối với H. Văn Nh. và Cao Văn H.); Khoản 1; điểm a, c khoản 2 Điều 106, khoản 2 Điều 136; Điều 331, Điều 333 BLTTHS; Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy Đ. về án phí, lệ phí Tòa án; Tuyên bố: Các bị cáo Cao Văn Nh., Nguyễn Văn T., H. Văn Nh., Lương Minh Th., Cao Văn H., Trần Văn Th1, Văn Đình Ch., Vũ Đình Đ., Nguyễn Nam A. và Lương Viết N1 phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”.

Xử phạt: Cao Văn Nh.: 30 (ba mươi) tháng tù; Nguyễn Văn T.: 27 (hai mươi bảy) tháng tù; H. Văn Nh.: 15 (mười lăm) tháng tù; Lương Minh Th.: 21 (hai mươi một) tháng tù; Cao Văn H.: 15 (mười lăm) tháng tù; Trần Văn Th1: 21 (hai mươi một) tháng tù; Văn Đình Ch.: 21 (hai mươi một) tháng tù; Nguyễn Nam A.: 21 (hai mươi một) tháng tù; Vũ Đình Đ.: 18 (mười tám) tháng tù. Thời hạn tù kể từ ngày chấp hành hình phạt; Lương Viết N1: 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 36 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Án sơ thẩm còn quyết Đ. về trách nhiệm dân sự, tang vật, án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo của bị cáo và bị hại.

*** Sau khi xét xử, các bị cáo kháng cáo với nội dung:**

- Bị cáo Trần Văn Th1 xin được hưởng án treo cải tạo tại địa phương.

- Vũ Đình Đ.; Cao Văn Nh.; Nguyễn Nam A.; Lương Minh Th.; H. Văn Nh.; Nguyễn Văn T.; Vũ Đình Ch. và Cao Văn H. kháng cáo cùng nội dung: Cấp sơ thẩm xử mức án với các bị cáo không đúng tính chất mức độ, hậu quả gây ra, không khách quan, bắt B. đăng, đề nghị xét xử lại đảm bảo công bằng cho các bị cáo.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Các bị cáo đều thay đổi nội dung kháng cáo là đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo và cho các được hưởng án treo cải tạo tại địa phương.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa đề nghị: Hành vi phạm tội của các bị cáo cấp sơ thẩm xét xử về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 BLHS do đã sử dụng hung khí nguy hiểm là có căn cứ, đúng pháp luật.

Cấp sơ thẩm xác Đ. tất cả các bị cáo phạm tội có tính chất côn đồ là chưa phù hợp vì: Cao Văn Nh. là người khởi xướng, lôi kéo các bị cáo khác tham gia; Nguyễn Văn T. là người thực hành tích cực, sử dụng móc chém các bị hại, thể hiện bản tính côn đồ hung hãn, bất chấp, coi thường pháp luật, coi thường tính mạng, sức khỏe người khác. Như vậy xác Đ. Cao Văn Nh. và Nguyễn Văn T. phạm tội có tính côn đồ là phù hợp. Đối với các bị cáo còn lại, tại thời điểm phạm tội đều là những thA. N1 mới lớn, chưa có tiền án, tiền sự, nhân thân tốt, do nhận thức còn hạn chế nên Nh. thời phạm tội, mức độ tham gia hạn chế, có 2 bị cáo là người chưa đủ 18 tuổi. Do đó, bản án sơ thẩm đánh giá các bị cáo H. Văn Nh., Lương Minh Th., Cao Văn H., Trần Văn Th1, Văn Đình Ch., Vũ Đình Đ., Nguyễn Nam A. phạm tội “*có tính côn đồ*” là không phù hợp; Các tình tiết giảm nhẹ TNHS đã được áp dụng đối với các bị cáo: Th. khẩn khai báo; Khắc phục bồi thường thiệt hại cho bị hại; Bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo.

Tại giai đoạn phúc thẩm các bị cáo xuất trình thêm các tình tiết giảm nhẹ mới: B/c Trần Văn Th1 là lao động chính; Cao Văn H. chấp hành tốt mọi chủ trương chính sách, nội quy quy Đ. của địa phương; Các bị cáo H. Văn Nh., Vũ Đình Đ., Cao Văn Nh. được chính quyền địa phương đề nghị xem xét, giải quyết; Nguyễn Nam A., Cao Văn Nh. tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong phát hiện, điều tra tội phạm.

Xét thấy, các bị cáo Cao Văn Nh., Nguyễn Văn T. thực hành tích cực, trực tiếp dùng kiếm, móc gây thương tích cho các bị hại, mặc dù Cao Văn Nh. được chính quyền địa phương đề nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét, tạo điều kiện giúp đỡ nhưng không có căn cứ xem xét giảm nhẹ vì mức án cấp sơ thẩm tuyên là đã có phần chiếu cố. Vì vậy kháng cáo của các bị cáo Nh., T., không có cơ sở chấp nhận.

Các bị cáo Lương Minh Th., Văn Đình Ch. phạm tội không có tính côn đồ, vì vậy đề nghị không áp dụng điểm i khoản 1 Điều 134, giảm cho các bị cáo từ 02-03 tháng tù, thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật là phù hợp.

Các bị cáo Trần Văn Th1, H. Văn Nh., Cao Văn H., Vũ Đình Đ., Nguyễn Nam A. phạm tội không có tính côn đồ, vì vậy đề nghị không áp dụng điểm i khoản 1 Điều 134, đồng thời các bị cáo có thêm tình tiết giảm nhẹ, tính chất mức độ hành vi phạm tội có phần hạn chế hơn các bị cáo còn lại nên kháng cáo xin được hưởng án treo của các bị cáo này là có cơ sở chấp nhận.

- Luật sư bào chữa cho các bị cáo Cao Văn H. và H. Văn Nh. có quan điểm: Các bị cáo khi phạm tội chưa đủ 18 tuổi, nhận thức pháp luật có nhiều hạn chế, vì nể bạn tham gia nhưng không trực tiếp gây thương tích cho người bị hại. Bị cáo H. Văn Nh. trong quá trình tham gia đã can ngăn cản một số bị cáo dùng không đánh người bị hại. Điều kiện hoàn cảnh gia đình hết sức khó khăn, nhân thân chưa tiền án, tiền sự, vì vậy đề nghị áp dụng chính sách người chưa Th. N1 phạm tội xử các bị cáo được tại ngoại cải tạo tại địa phương là phù hợp.

- Phần tranh luận các bị cáo đều không có thắc mắc gì về việc cấp sơ thẩm đã xét xử về tội “Cố ý gây thương tích” mà đề nghị xem xét giảm nhẹ và cho các bị cáo được hưởng án treo cải tạo tại địa phương vì các bị cáo tuổi còn trẻ, bông bột nên rất ân hận về hành vi phạm tội của mình.

NHẬN Đ. CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được traA. tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận Đ. như sau:

[1]. Về thủ tục kháng cáo: Đơn kháng cáo của các bị cáo làm trong thời hạn luật Đ., tại phiên tòa các bị cáo đều thay đổi nội dung kháng cáo và đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo cải tạo tại địa phương nên được chấp nhận để xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Xét nội dung kháng cáo: Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo đều khai nhận: Do mâu thuẫn trong lúc đi ăn tối tại quán ăn với nhóm của anh Lê Nhữ H1. nên vào khoảng 23 giờ 30 phút ngày 26/01/2019, Cao Văn Nh. đã rủ rê, lôi kéo Nguyễn Văn T., H. Văn Nh., Lương Minh Th., Cao Văn H., Trần Văn Th1, Văn Đình Ch., Vũ Đình Đ., Nguyễn Nam A. và Lương Viết N1 đem theo kiếm, mác, tuýp sắt, đèo nhau trên 04 xe máy đi đến quán ăn nhà ông Cao Văn N. ở đường Lê Lợi thuộc khu phố T.L., phường Tr.S, Th. phố Sầm Sơn tìm đánh nhóm của anh Lê Nhữ H1.. Hậu quả làm anh Lê Nhữ H1. bị thương tích mất 14% sức khỏe, anh Lê Nhữ Kh1 bị thương tích mất 7% sức khỏe.

Vì vậy cấp sơ thẩm xử phạt các bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 BLHS là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến tính mạng, sức khỏe của người khác, làm mất trật tự trị an xã hội, thể hiện việc coi thường pháp luật nên việc xử lý nghiêm để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung là cần thiết.

- Xét các nội dung kháng cáo: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, không có tổ chức, có đồng các bị cáo tham gia, bị cáo Cao Văn Nh. là người cầm đầu, khởi xướng, lôi kéo các bị cáo tham gia và trực tiếp dùng dao gây thương tích cho người bị hại. Bị cáo Nguyễn Văn T. là người tham gia với vai trò tích cực, sử dụng móc chém bị hại, thể hiện bản tính côn đồ hung hãn, bất chấp, coi thường pháp luật, coi thường tính mạng, sức khỏe người khác. Vì vậy bị cáo Cao Văn Nh. và Nguyễn Văn T. phạm tội thuộc trường hợp có tính chất côn đồ như cấp sơ thẩm đánh giá là phù hợp.

Đối với các bị cáo còn lại tham gia với vai trò đồng phạm giúp sức, tạo số đông, không trực tiếp gây thương tích cho người bị hại. Tại thời điểm phạm tội các bị cáo đều là những thanh niên mới lớn, chưa có tiền án, tiền sự, nhân thân tốt, do nhận thức còn hạn chế nên đã bị Cao Văn Nh. rủ rê lôi kéo mà nhất thời phạm tội, bị cáo Cao Văn H. và H. Văn Nh. khi phạm tội là người chưa đủ 18 tuổi. Do đó, bản án sơ thẩm đánh giá các bị cáo H. Văn Nh., Lương Minh Th., Cao Văn H., Trần Văn Th1, Văn Đình Ch., Vũ Đình Đ., Nguyễn Nam A. phạm tội “có tính côn đồ” là không phù hợp.

Trong vụ án này các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo điều 52 BLHS, đều có chung các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là: Thành khẩn khai báo và bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả, người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo nên được áp dụng chung tình tiết giảm nhẹ theo điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 BLHS. Bị cáo Cao Văn Nh., Nguyễn Văn T., Lương Minh Th., Trần Văn Th1, Cao Văn H., Văn Đình Ch. và Vũ Đình Đ. còn được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ “đầu thú” theo quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS. Bị cáo H. Văn Nh. và Cao Văn H. được áp dụng Điều 91 BLHS đối với người chưa thành niên phạm tội.

Tại giai đoạn phúc thẩm: Ngoài các tình tiết giảm nhẹ cấp sơ thẩm đã xem xét đánh giá đã nêu trên, tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo kháng cáo xuất trình thêm các tài liệu chứng cứ mới để xem xét giảm nhẹ, cụ thể:

- Bị cáo Cao Văn Nh.: Công an huyện Hoàng Hóa có văn bản số 856/CSĐT ngày 05/10/2019 đề nghị xem xét vì đã có công giúp cơ quan điều tra bắt giữ đối tượng phạm tội, cụ thể: Ngày 12/01/2019 bắt giữ đối tượng Trần Văn C ở xã Hoàng Khê, huyện Hoàng Hóa đang bắt giữ các nhân viên quán karaoke nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản; Ngày 22/7/2019 bắt giữ Nguyễn Văn L. và một số đối tượng có hành vi “bắt giữ người trái pháp luật”. Gia đình có bố là ngư dân đi biển bị lật thuyền liệt cột sống không lao động được, điều kiện hoàn cảnh gia đình khó khăn. Nhưng bị cáo tham gia trong vụ án với vai trò chủ mưu, cầm đầu và trực tiếp gây nên thương tích cho người bị hại. Do đó chấp nhận giảm nhẹ một phần hình phạt, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật, nhưng không chấp nhận cho hưởng án treo cải tạo địa phương.

- Các bị cáo Nguyễn Văn T., Lương Minh Th., Văn Đình Ch. tuổi đời còn trẻ, điều kiện gia đình hết sức khó khăn, văn hóa thấp, chưa tiền án tiền sự bị

Cao Văn Nh. rủ rê lôi kéo mà phạm tội nhưng tham gia với vai trò quyết liệt hơn so với các bị cáo còn lại. Vì vậy nên chấp nhận một phần kháng cáo giảm nhẹ một phần hình phạt, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật, không chấp nhận cho hưởng án treo cải tạo địa phương là phù hợp.

- Bị cáo Trần Văn Th1 Có đơn xác nhận điều kiện hoàn cảnh gia đình khó khăn, bố mất sớm một mình đang phải lao động nuôi mẹ ốm đau có xác nhận của địa phương; Bị cáo Vũ Đình Đ. điều kiện hoàn cảnh gia đình khó khăn, là lao động chính trong gia đình được địa phương xác nhận và đề nghị xem xét; Bị cáo Nguyễn Nam A. được Cơ quan CSĐT – Công an huyện Nông Cống có Công văn số 229/XN-CSĐT ngày 20/9/2019 xác nhận: Ngày 11/4/2019 bị cáo đã giúp cơ quan điều tra phát hiện và bắt đối tượng “trộm cắp tài sản” tại xã Trung Th. huyện Nông Cống; Bị cáo Cao Văn H. thuộc gia đình chính sách có ông nội là Cao Văn Phúc là thương binh và có được tặng thưởng Huy chương chiến sỹ giải phóng có xác nhận điều kiện hoàn cảnh gia đình khó khăn. Bị cáo H. Văn Nh. có đơn đề nghị xem xét đến hoàn cảnh gia đình khó khăn. Bị cáo Cao Văn H. và H. Văn Nh. đều là người chưa thành niên bị lôi kéo rủ rê phạm tội với vai trò đồng phạm giúp sức nên được xem xét đến chính sách với người chưa Th. N1 phạm tội theo quy Đ. tại Điều 91 BLHS.

Xét thấy mức độ, vai trò phạm tội, nhân thân cũng như các tình tiết giảm nhẹ cấp sơ thẩm đã xem xét và các tình tiết giảm nhẹ tại cấp phúc thẩm đã đánh giá. Các bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng. Nên việc cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội là chưa cần thiết, mà chấp nhận một phần kháng cáo cho bị cáo được cải tạo tại địa phương dưới sự giám sát của chính quyền để các bị cáo vừa có điều kiện cải tạo vừa đi học thành người có ích là phù hợp.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

[5]. Án phí phúc thẩm: Các bị cáo không phải chịu án phí phúc thẩm vì kháng cáo được chấp nhận một phần để cải sửa án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng Hình sự.

- Chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo. Sửa quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 33/2019/HSST ngày 28/6/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Sầm Sơn: Giảm hình phạt tù đối với Cao Văn Nh., Nguyễn Văn T., Văn Đình Ch., Lương Minh Th.; Sửa về biện pháp chấp hình phạt đối với bị cáo Cao Văn H., Hoàng Văn Nh., Vũ Đình Đ., Trần Văn Th1 và Nguyễn Nam A..

*** Áp dụng:**

- Điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17,

Điều 58 BLHS đối với Cao Văn Nh., Nguyễn Văn T., Lương Viết Th., Văn Đình Ch. (thêm điểm t khoản 1 Điều 51 BLHS đối với Cao Văn Nh.).

- Điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm s, b khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; khoản 1 Điều 54; Điều 58; khoản 1, 2, 5 Điều 65 BLHS đối với các bị cáo Vũ Đình Đ., Trần Văn Th1 và Nguyễn Nam A. (thêm điểm t khoản 1 Điều 51 BLHS đối với Nguyễn Nam A.).

- Điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm s, b khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; khoản 1 Điều 54; Điều 58; Điều 91; khoản 1, 2, 5 Điều 65 BLHS đối với bị cáo Cao Văn H., H. Văn Nh..

- Điểm h khoản 2 Điều 23 NQ 326 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội.

*** Tuyên bố:** Các bị cáo Cao Văn Nh., Nguyễn Văn T., Lương Minh Th., Văn Đình Ch., Cao Văn H., H. Văn Nh., Trần Văn Th1, Vũ Đình Đ. và Nguyễn Nam A. phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

*** Xử phạt:**

1. Bị cáo Cao Văn Nh.: **27** (hai mươi bảy) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

2. Bị cáo Nguyễn Văn T.: **25** (hai mươi lăm) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

3. Bị cáo Lương Minh Th.: **18** (mười tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

4. Bị cáo Văn Đình Ch.: **18** (mười tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

5. Bị cáo Nguyễn Nam A.: **21** (hai mươi một) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 42 (bốn mươi hai) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (15/10/2019).

6. Bị cáo Trần Văn Th1: **21** (hai mươi một) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 42 (bốn mươi hai) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (15/10/2019).

7. Bị cáo Vũ Đình Đ.: **18** (mười tám) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 36 (ba mươi sáu) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (15/10/2019).

8. Bị cáo Cao Văn H.: **15** (mười lăm) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 30 (ba mươi) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (15/10/2019).

9. Bị cáo H. Văn Nh.: **15** (mười lăm) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 30 (ba mươi) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (15/10/2019).

Giao các bị cáo Nguyễn Nam A., Vũ Đình Đ., Trần Văn Th1, H. Văn Nh.

và Cao Văn H. cho Ủy ban nhân dân phường Tr.S, Thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa quản lý, giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án.

- Các bị cáo được hưởng án treo, nếu thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy Đ. tại Khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

* Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

* Án phí phúc thẩm: Bị cáo Cao Văn Nh., Nguyễn Văn T., Lương Minh Th. và Văn Đình Ch. Nguyễn Nam A., Vũ Đình Đ., H. Văn Nh., Trần Văn Th1 và Cao Văn H. không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nơi gửi

- TAND, VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND Tỉnh ThA. Hóa;
- CA tỉnh ThA. Hóa;
- Sở Tư pháp ThA. Hóa;
- VKS,TA,THAHS TP Sầm Sơn;;
- T.H.ADS TP Sầm Sơn;
- Các bị cáo; Lưu HSVA;

Hà Huy Hùng